TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – H phúc
Số: **02**/2024/QĐST-DS	*Â n Thi, ngày 26 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải Th ngày 16/6/2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 07/2024/TLST - DS ngày 04/3/2024 về việc "tranh chấp chia di sản thừa kế".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải Th về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung Th thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải Th, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự Th thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1975
- Bị đơn: Bà Nghiêm Thị Th, sinh năm 1969

Đều trú tại: ĐT, QV, AT, Hưng Yên

- Người có QLNV liên quan:

1. Bà Đinh Thị H, sinh năm 1968; anh Phạm Quang M, sinh năm 1991; anh Phạm Xuân D, sinh năm 1993

Đều trú tại: Thôn 1, NS, TX NH, Khánh Hòa

Bà H, anh M ủy quyền cho anh D

2. Chị Phạm Thị L C, sinh năm 1995

Trú tại: Phố NTN, TTAT, AT, Hưng Yên

3. Anh Phạm Văn Th, sinh năm 1990

Trú tại: ĐT, QV, AT, Hưng Yên

4. Chị Phạm Thị T A, sinh năm 2002 và Phạm Thị T L, sinh năm 2007.

Đều trú tại: ĐT, QV, AT

Đại diện của chị T A, chị T L: bà Th

5. Chị Phạm Thị G, sinh năm 2001

Trú tại: AD, HHT, AT, Hưng Yên

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về việc chia thừa kế: Cụ Bốn, cụ Thường có 03 người con gồm có ông Thái (chết năm 2023, có vợ là bà Nghiêm Thị Th và các con Phạm Văn Th, Phạm Thị L C, Phạm Thị T A, Phạm Thị T L), ông Bình (chết năm 2004 có vợ là bà Đinh Thị H và các con Phạm Quang M, Phạm Xuân D, Phạm Thị G) và bà Phạm Thị L.

Về đất ở:

* Thửa đất số 113 tờ bản đồ số 22 đo đạc năm 2016 (trước bản đồ năm 1997 thửa số 541 tờ bản đồ số 6) có diện tích 537,9m^2 bao gồm 200m^2 đất ở, 108m^2 đất vườn có thời hạn, 229,9m^2 đất vườn lâu dài, trị giá 170.411.000 đồng; địa chỉ tại thôn ĐT, QV, AT, Hưng Yên, đã được Ủy ban nhân dân huyện Ân Thi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 005385; số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00015 QSDĐ/QV-AT ngày 10/6/2004 đứng tên hộ ông Phạm Xuân Bốn, các thừa kế của ông Bình (bà H, anh D, anh M, chị G) từ chối nhận di sản mà tặng cho bà L được hưởng phần thừa kế ông Bình được hưởng. Bà L, các thừa kế của ông Thái (bà Th, anh Th, chị Chi, chị T A, chị T L) thống nhất Th thuận như sau:

Bà Phạm Thị L được quyền sử dụng diện tích 335,9m^2 bao gồm 130m^2 đất ở, 62m^2 đất vườn có thời hạn, 143,9m^2 đất vườn lâu dài theo hình ABCD có các cạnh như sau: Phía Bắc giáp thửa đất 111 dài 7,23m + 6,40m; Phía Nam giáp đường dài 15,64m; Phía Đông giáp phần đất chia cho các thừa kế của ông Thái dài 22,78m; Phía tây giáp thửa đất 114 dài 21,94m. Trên đất bà L được quyền sử dụng, sở hữu đối với 01 ngôi nhà cấp 4 do cụ Bốn, cụ Thường xây dựng.

Các thừa kế của ông Thái (gồm bà Th, anh Th, chị Chi, chị T A, chị T L) được quyền sử dụng diện tích 202m2 đất bao gồm 70m^2 đất ở, 46m^2 đất vườn có thời hạn, 86m^2 đất vườn lâu dài theo hình CDEF có các cạnh như sau: Phía Bắc giáp thửa đất 111 dài 8,55m; Phía Nam giáp đường dài 9m; phía Đông giáp ngõ xóm dài 10,02m + 12,26m; Phía Tây giáp phần đất chia cho bà L sử dụng dài 22,78m. Trên đất ông Thái, bà Th đã làm nhà 1 tầng kiên cố, tường bao, sân.

Đất nông nghiệp: Không yêu cầu giải quyết

Bà L, các thừa kế của ông Thái (gồm bà Th, anh Th, chị Chi, chị T A, chị T L) được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Có sơ đồ kèm theo

2.2 Về án phí: Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Bà L tự nguyện chịu cả số tiền 4.260.275 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000801 ngày 04/3/2024. Hoàn trả bà L số tiền 2.739.725 đồng

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền Th thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Ân Thi;*
- *Chi cục THA dân sự huyện Ân Thi;*
- *Đương sự;*
- *Lưu HS.*

THẨM PHÁN

Phạm Bá Hân